TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **60**/2019/DS-ST
Ngày 27-9-2019
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hưng

Ông Đoàn Quốc Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị B, sinh năm 1946 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 9, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị L, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 9, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/8/2019, biên bản hòa giải ngày 27/8/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Thị B trình bày:

Bà có tham gia một số dây hụi do bà Bùi Thị L làm chủ, cụ thể như sau:

1. Hai dây hụi mở ngày 08/8/2016 âm lịch:

- Dây 1: Loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 37 phần. Bà tham gia 01 phần. Bà đã đóng cho bà L đến hết tháng 12 năm 2018 âm lịch là 30 tháng. Dây hụi này bà L nợ bà 30 tháng tiền hụi bằng 30.000.000 đồng.

- Dây 2: Loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 37 phần. Bà tham gia 01 phần. Bà đã đóng cho bà L đến hết tháng 12 năm 2018 âm lịch là 30 tháng. Dây hụi này bà L nợ bà 30 tháng tiền hụi bằng 30.000.000 đồng.

Dây hụi này bà L nợ bà tổng cộng 60.000.000 đồng, tuy nhiên bà đồng ý trừ

tiền hoa hồng của 02 dây là 600.000 đồng x 2 = 1.200.000 đồng, bà chỉ yêu cầu bà L trả 58.800.000 đồng.

2. Dây hụi mở ngày 29/11/2016 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 30 phần. Bà tham gia 02 phần.

- Phần 1: Bà đã đóng cho bà L đến hết tháng 11/2018 âm lịch là 26 tháng. Dây hụi này bà L nợ bà là 26.000.000 đồng. Tuy nhiên bà đồng ý trừ tiền hoa hồng 600.000 đồng, chỉ yêu cầu bà L trả 25.400.000 đồng.

- Phần 2: Tháng 12/2018 âm lịch bà kêu giá 800.000 đồng hốt phần thứ nhất, tiền hoa hồng 600.000 đồng. Bà L phải chung tiền hụi cho bà tổng số là 25.800.000 đồng. Bà L đã chung cho bà được 14.000.000 đồng, còn nợ lại 11.800.000 đồng. Bà đồng ý đắp đuôi 2 phần sống bằng 2.000.000 đồng. Vậy bà L còn nợ bà 9.800.000 đồng. Nhưng khoản nợ này bà và bà L tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Dây hụi mở ngày 04/4/2017 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 36 phần. Bà tham gia 01 phần. Bà đã đóng cho bà L đến hết tháng 01/2019 âm lịch là 23 tháng. Dây hụi này bà L nợ bà 23 tháng tiền hụi bằng 23.000.000 đồng. Tuy nhiên bà đồng ý trừ tiền hoa hồng 600.000 đồng, chỉ yêu cầu bà L trả 22.400.000 đồng.

4. Dây hụi mở ngày 10/4/2017 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 35 phần. Bà tham gia 01 phần. Bà đã đóng cho bà L đến hết tháng 12/2018 âm lịch là 22 tháng. Dây hụi này bà L nợ bà 22 tháng tiền hụi bằng 22.000.000 đồng. Tuy nhiên bà đồng ý trừ tiền hoa hồng 600.000 đồng, chỉ yêu cầu bà L trả 21.400.000 đồng.

5. Dây hụi mở ngày 18/4/2017 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 36 phần. Bà tham gia 03 phần. Bà đã đóng cho bà L đến hết tháng 12/2018 âm lịch là 22 tháng. Dây hụi này bà L nợ bà 22 tháng của 03 phần hụi bằng 66.000.000 đồng. Tuy nhiên bà đồng ý trừ tiền hoa hồng của 03 phần là 600.000 đồng x 3 = 1.800.000 đồng, chỉ yêu cầu bà L trả 64.200.000 đồng.

6. Dây hụi mở ngày 26/10/2017 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 30 phần. Bà tham gia 02 phần. Bà đã đóng cho bà L đến hết tháng 12/2018 âm lịch là 15 tháng. Dây hụi này bà L nợ bà 15 tháng của 02 phần hụi bằng 60.000.000 đồng. Tuy nhiên bà đồng ý trừ tiền hoa hồng của 02 phần là 1.000.000 đồng x 2 = 2.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà L trả 58.000.000 đồng.

Quá trình tham gia hụi bà đóng hụi cho bà L đầy đủ nhưng khi bà hốt hụi thì bà L không giao tiền hụi cho bà. Do thời gian đã lâu nên bà không nhớ rõ thời gian hốt của mỗi phần hụi, chỉ nhớ tổng số tiền hụi bà L còn thiếu bà là 257.000.000 đồng. Vào tháng 01/2019 bà L có viết giấy thừa nhận còn thiếu bà 252.000.000 đồng nhưng do lúc đó tính nhầm, thực tế chỉ còn thiếu 250.200.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà Bùi Thị L trả tổng số tiền hụi là 250.200.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 27/8/2019 và tại phiên tòa, bị đơn bà Bùi Thị L trình bày:

Bà có làm chủ hụi các dây hụi có bà B tham gia như bà B đã trình bày. Bà thừa nhận có nợ số tiền hụi của bà B là 250.200.000 đồng. Do nhiều thành viên tham gia không đóng đủ phần hụi, bà không có tiền để trả đủ 01 lần cho mỗi thành viên nên bà có mời thành viên lại để thỏa thuận việc chấm dứt hụi. Theo đó, các thành viên sẽ bốc thăm, cứ 03 tháng bà sẽ giao đủ cho 01 thành viên theo thứ tự bốc thăm. Thời gian chấm dứt các dây hụi có khác nhau, cụ thể: Hai dây hụi mở ngày 08/8/2016 âm lịch chấm dứt vào ngày 08/02/2019 âm lịch; Dây hụi mở ngày 29/11/2016 âm lịch chấm dứt vào ngày 29/01/2019 âm lịch; Dây hụi mở ngày 04/4/2017 âm lịch chấm dứt vào ngày 04/02/2019 âm lịch; Dây hụi mở ngày 10/4/2017 âm lịch chấm dứt vào ngày 10/02/2019 âm lịch; Dây hụi mở ngày 18/4/2017 âm lịch chấm dứt vào ngày 18/01/2019 âm lịch; Dây hụi mở ngày 26/10/2017 âm lịch chấm dứt vào ngày 26/01/2019 âm lịch. Việc bốc thăm có bà B tham gia và đồng ý theo thỏa thuận, nay chưa tới lượt của bà B nên bà không đồng ý trả theo yêu cầu của bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà B yêu cầu bà L trả số tiền hụi chưa giao nên tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hụi và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B thấy rằng:

Việc bà L tổ chức hụi có lập thành văn bản ghi rõ các thành viên và phương thức tham gia, phù hợp với quy định pháp luật nên các bên tham gia có quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường quy định thành viên tham gia hụi có quyền được nhận phần hụi khi đến kỳ mở hụi và nghĩa vụ của chủ hụi là giao các phần hụi cho thành viên được lĩnh hụi. Bà B và bà L đã thống nhất về số dây hụi, phần hụi, loại hụi mà bà B tham gia do bà L làm chủ hụi và số tiền hụi bà L chưa giao cho bà B. Cụ thể:

- Hai dây hụi mở ngày 08/8/2016 âm lịch, mỗi dây đều là loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 37 phần. Bà B tham gia mỗi dây 01 phần. Số tiền hụi bà L chưa giao cho bà B là 58.800.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 29/11/2016 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 30 phần. Bà B tham gia 02 phần. Số tiền hụi bà L chưa giao cho bà B là 25.400.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 04/4/2017 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 36 phần. Bà B tham gia 01 phần. Số tiền hụi bà L chưa giao cho bà B là 22.400.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 10/4/2017 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 35 phần. Bà B tham gia 01 phần. Số tiền hụi bà L chưa giao cho bà B là 21.400.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 18/4/2017 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng

khui một kỳ, tổng số 36 phần. Bà B tham gia 03 phần. Số tiền hụi bà L chưa giao cho bà B là 64.200.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 26/10/2017 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một kỳ, tổng số 30 phần. Bà B tham gia 02 phần. Số tiền hụi bà L chưa giao cho bà B là 58.000.000 đồng.

Vào tháng 01/2019, bà L chấm dứt các dây hụi và lập văn bản xác nhận số tiền hụi chưa giao cho bà B là 252.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà L và bà B đều xác định do có sự nhầm lẫn trong việc tính toán, thực tế số tiền hụi bà L chưa giao cho bà B là 250.200.000 đồng. Xét thấy việc tính toán nhầm theo sự trình bày của các đương sự là phù hợp do: 58.800.000 đồng + 25.400.000 đồng + 22.400.000 đồng + 21.400.000 đồng + 64.200.000 đồng + 58.000.000 đồng = 250.200.000 đồng. Do đó có cơ sở xác định bà L đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi nên phải có trách nhiệm giao lại cho bà B số tiền hụi chưa giao là 250.200.000 đồng. Đối với việc thỏa thuận bốc thăm thứ tự để được bà L thanh toán tiền hụi, bà B xác định có bốc thăm 01 đến 02 phần hụi nhưng bà không xác định được dây hụi cụ thể, bà L cũng không xuất trình được tài liệu để chứng minh. Mặt khác, các đương sự có quyền thỏa thuận về việc thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của bà B được Tòa án chấp nhận cụ thể: 250.200.000 đồng x 5% = 12.510.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B. Buộc bà Bùi Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị B số tiền hụi 250.200.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu, hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Bà Bùi Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 12.510.000 (mười hai triệu, năm trăm mười nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý